

Số: 10 /NQ-HĐND

M'Drắk, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh tên công trình, thứ tự đầu tư các công trình thuộc danh mục đầu tư công trung hạn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025; Bổ sung danh mục công trình thuộc kế hoạch năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN M'DRẮK
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/9/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh tên công trình, thứ tự đầu tư các công trình thuộc danh mục đầu tư công trung hạn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025, bổ sung danh mục công trình thuộc kế hoạch năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 20/7/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh tên công trình, thứ tự đầu tư các công trình thuộc danh mục đầu tư công trung hạn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025, bổ sung danh mục công trình thuộc kế hoạch năm 2022, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tên công trình, thứ tự đầu tư các công trình thuộc danh mục đầu tư công trung hạn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện

a) Điều chỉnh tên công trình

Công trình: Nâng cấp đường nội bộ, nương thoát nước và bồn hoa thuộc

khuôn viên UBND huyện M'Drăk, điều chỉnh tên thành: Nâng cấp sân và bồn hoa khuôn viên UBND huyện M'Drăk.

b) Điều chỉnh thứ tự đầu tư

- Công trình Nâng cấp sân và bồn hoa khuôn viên UBND huyện M'Drăk, thời gian thực hiện năm 2025, nay điều chỉnh thời gian thực hiện sang năm 2022.

- Công trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện M'Drăk, thời gian thực hiện năm 2025, nay điều chỉnh thời gian thực hiện sang năm 2022.

2. Bổ sung danh mục công trình thuộc kế hoạch năm 2022

Bổ sung danh mục công trình thuộc kế hoạch năm 2022, gồm 02 công trình:

- Công trình Nâng cấp sân và bồn hoa khuôn viên UBND huyện M'Drăk.
- Công trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện M'Drăk.

(Chi tiết theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện M'Drăk thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện M'Drăk khóa XII, Kỳ họp thứ Tư, thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện khóa XII;
- Các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn huyện
- Đại biểu HĐND huyện khóa XII;
- HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

(b/c)

(t/h)

CHỦ TỊCH



Hồ Duy Thành

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2016- 2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm					Ghi chú	
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A	DANH MỤC BAN ĐẦU			135.452,758	17.185,600	100.874,279	25.354,279	28.520,000	17.000,000	15.000,000	15.000,000	100.874,279	
I	NGÂN SÁCH HUYỆN			135.452,758	17.185,600	100.874,279	25.354,279	28.520,000	17.000,000	15.000,000	15.000,000	100.874,279	
I.1	Nguồn sử dụng đất (trích 80% huyện hương)			126.932,758	17.185,600	92.354,279	25.354,279	20.000,000	17.000,000	15.000,000	15.000,000	92.354,279	
a	Công trình chuyển tiếp			36.676,822	17.185,600	15.219,886	15.219,886	-	-	-	-	15.219,886	
1	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng xã Cư San, hạng mục: Nhà hiệu bộ, sân bê tông, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, mương thoát nước cho sân bê tông	Cư San	Nhà hiệu bộ, sân bê tông, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, mương thoát nước cho sân bê tông	3.000,000	740,000	322,534	322,534					322,534	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc xã Cư Prao, hạng mục: Nhà hiệu bộ, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, bếp nấu, sân bê tông, mương thoát nước cho sân bê tông	Cư Prao	Nhà hiệu bộ, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, bếp nấu, sân bê tông, mương thoát nước cho sân bê tông	3.000,000	740,000	276,530	276,530					276,530	
3	Xây dựng mới công trình đường vành đai huyện, hạng mục: Hệ thống đèn chiếu sáng	Thị trấn	XD mới	5.830,000	3.337,600	2.260,000	2.260,000	-				2.260,000	
4	Trung tâm thể dục thể thao huyện M'Drắk, hạng mục: Tường rào, cổng, đường nội bộ, hệ thống cấp nước, vỉa hè, điện chiếu sáng và nhà vệ sinh	Thị trấn	XD mới	6.603,000	3.900,000	2.677,000	2.677,000	-				2.677,000	
5	Đường vành đai huyện M'Drắk, hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng phần còn lại	Thị trấn - Cư M'Ta - Krông Jing	XD mới	4.300,000	2.130,000	2.099,000	2.099,000	-				2.099,000	
6	Trung tâm thể dục thể thao huyện M'Drắk, hạng mục: Lát sân sân thi đấu, thiết bị	Thị trấn	XD mới	2.500,000	1.240,000	1.260,000	1.260,000					1.260,000	
7	Đường giao thông TDP 5 thị trấn M'Drắk (Từ QL26 đến nhà ông Tuyển)	Thị trấn	Nâng cấp	572,134	200,000	372,134	372,134					372,134	
8	Đường giao thông TDP 5 thị trấn M'Drắk (Từ nhà ông Huỳnh Cho đến nhà ông Bảy)	Thị trấn	Nâng cấp	1.153,688	350,000	803,688	803,688					803,688	
9	Đường giao thông TDP 5 thị trấn M'Drắk (Từ nhà ông Liễu đến đường Vành Đai)	Thị trấn	Nâng cấp	850,000	420,000	430,000	430,000					430,000	
10	Đường giao thông TDP 12 thị trấn M'Drắk (Từ hội trường đến hai điểm kết nối với đường vào cơ quan Quận sự huyện)	Thị trấn	Nâng cấp	650,000	322,000	328,000	328,000					328,000	
11	Đường giao thông nội thôn 3 xã Cư Króa (Từ hội trường đến nhà ông Thảo)	Cư Króa	Nâng cấp	800,000	396,000	404,000	404,000					404,000	
12	Trường Tiểu học bán trú Trần Quốc Toàn xã Ea Trang, hạng mục: Đường vào cổng và hàng rào	Ea Trang	Nâng cấp	2.582,000	1.279,000	1.303,000	1.303,000	-				1.303,000	
13	Đường giao thông thôn 16 xã Ea Riêng (từ công chào đến nhà ông Dương)	Ea Riêng	Nâng cấp	570,000	285,000	285,000	285,000					285,000	

ĐVT: Triệu đồng

số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giải đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm						Ghi chú
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
14	Đường thôn 4 xã Krông Á (từ nhà ông Vi Vàng Lêng đến nhà bà Bùi Thị Dạng)	Krông Á	Nâng cấp	900,000	400,000	500,000	500,000					500,000	
15	Đường thôn 3 xã Krông Á (từ nhà ông Lâm Văn Nghi đến nhà ông Nông Văn Lực)	Krông Á	Nâng cấp	1,000,000	450,000	550,000	550,000					550,000	
16	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc xã Cư Prao, hạng mục: Xây mới Nhà lớp học 02 phòng	Cư Prao	XD mới	1,170,000	494,000	664,000	664,000					664,000	
17	Trường Mẫu giáo Hoa Ban xã Cư San, hạng mục: Xây mới Nhà lớp học 02 phòng	Cư San	XD mới	1,196,000	502,000	685,000	685,000					685,000	
b	Dự án mở mới			90.255,936	-	77.134,393	10.134,393	20.000,000	17.000,000	15.000,000	15.000,000	77.134,393	
1	Đường giao thông thôn 3 đi đả ché và đả bàn, xã Ea Pli, huyện M'Drăk (Tổng chiều dài tuyến 2145m)		BTXM	5.000,000		5.000,000	3.991,000	1.009,000				5.000,000	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2021: 2.241tr đồng, bổ sung trong năm 2021 1.750tr đồng
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 19C đi vào hồ chứa nước Ea M'Doal (Tổng chiều dài tuyến 1860m)	Ea M'Doal	BTXM	5.704,080		5.704,080	4.543,393	1.160,687				5.704,080	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2021 là 2.539,114tr đồng, bổ sung trong năm 2021 là 2.004,279tr đồng
3	Công trình: Trường PTDT bán trú THCS Võ Nguyên Giáp xã Cư Kơra, hạng mục: Nhà vệ sinh, nhà tắm học sinh	Cư Kơra	BTXM	800,000		800,000	800,000					800,000	Bổ sung danh mục năm 2021 từ nguồn tăng thu sử dụng đất năm 2020
4	Đường giao thông nội thị trấn M'Drăk (Đường Quang Trung nối dài đến đường Lê Lợi)	Thị trấn	BTXM	1.210,000		1.210,000		1.210,000				1.210,000	Danh mục công trình bổ sung
5	Đường giao thông Thôn 10 xã Ea Riêng đi Thôn 4 xã Cư Kơra, huyện M'Drăk	Ea Riêng - Cư Kơra	BTXM	5.000,000		5.000,000		3.971,000	1.029,000			5.000,000	
6	Đường giao thông liên xã từ thôn 19 xã Ea Riêng đi thôn 3 xã Ea H'Mlây	Ea Riêng - Ea H'Mlây	BTXM	4.999,051		4.999,051		3.971,000	1.028,051			4.999,051	
7	Đường giao thông nội thôn 4 xã Ea Lai	Ea Lai	BTXM	5.746,881		5.746,881		4.609,000	1.137,881			5.746,881	
8	Đường giao thông liên xã đoạn từ Quốc Lộ 19C (thôn 8), xã Ea Riêng đi thôn 1, xã Ea H'Mlây	Ea Riêng - Ea H'Mlây	BTXM	4.994,000		4.994,000		4.069,313	924,687			4.994,000	
9	Đường giao thông nối từ đả bàn thôn 9 đi giáp đường liên xã Ea Pli, Cư Prao (Chiều dài tuyến 3570m)	Ea Pli	BTXM	4.994,000		4.994,000			3.260,381	1.733,619		4.994,000	

số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Nội dung thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm					Chí chủ	
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Đường giao thông từ điểm trường buôn Brik đến buôn Gián xã Krông Jing (Chiều dài tuyến 1685m)	Krông Jing	BTXM	4.000,000		4.000,000			2.420,000	1.580,000		4.000,000	
13	Đường giao thông thôn 3 xã Ea Lai	Ea Lai	BTXM	3.758,706		3.758,706				2.325,000	1.433,706	3.758,706	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn 3 đi thôn 4 xã Ea Lai, huyện M'Drăk	Ea Lai	BTXM	5.500,000		5.500,000				3.324,000	2.176,000	5.500,000	
15	Đường giao thông từ nhà Ông Tươi đi đơn vị đặc công 198 xã Cư Króa	Cư Króa	BTXM	5.000,000		5.000,000				3.037,381	1.962,619	5.000,000	
16	Đường giao thông nội thôn 1, xã Krông Á (Từ nhà ba Liên đến nhà ông Nguyễn Văn Bón)	Krông Á	BTXM	4.865,000		1.582,000					1.582,000	1.582,000	
17	Đường giao thông thôn 4 đi thôn 6, thôn 5, xã Ea Pli, huyện M'Mrăk	Ea Pli	BTXM	5.500,000		1.828,000					1.828,000	1.828,000	
18	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi Ea Riêng (Từ thôn 1 xã Ea Lai đi xã Ea Riêng)	Ea Lai - Ea Riêng	BTXM	5.000,000		1.616,000					1.616,000	1.616,000	
19	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện M'Drăk	Thị trấn	Nâng cấp sửa chữa sân bê tông, bốn hoa; Nâng cấp sửa chữa nhà hội trường; Nâng cấp sửa chữa nhà làm việc; Nâng cấp sửa chữa nhà vệ sinh	2.000,000		655,000					655,000	655,000	
20	Nâng cấp đường nội bộ, mương thoát nước và bồn hoa khuôn viên UBND huyện	Thị trấn	Nâng cấp	2.184,218		746,675					746,675	746,675	
21	Bố trí đối ứng nguồn vốn Chương trình MTQC XD NTM theo cơ chế thông thường			5.000,000	-	5.000,000	800,000	-	4.200,000	-	-	5.000,000	Đối ứng ngân sách huyện
a	Đường GT liên xã từ nhà ông Thắng thôn 1 xã Ea Lai đi xã Ea Riêng	Ea Lai, Ea Riêng	BTXM	200,000		200,000			200,000			200,000	
b	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã Ea Pli đi Cư Prao (D22), huyện M'Drăk	Cư Prao	BTXM	1.000,000		1.000,000			1.000,000			1.000,000	
c	Đường GT liên xã từ QL19C (thôn 8) xã Ea Riêng đi thôn 1 xã Ea H'Mlay	Ea Riêng	BTXM	300,000		300,000			300,000			300,000	
d	Đường GT trục xã Cư Prao (đoạn nối dài qua thôn 7, thôn 8, thôn 9, xã Cư Prao)	Cư Prao	BTXM	600,000		600,000			600,000			600,000	
e	Nâng cấp đường GT liên xã từ QL26 xã Cư Mta (đoạn nối tiếp) đi thôn 1 xã Cư Króa, huyện M'Drăk (đường 21 Bis)	Cư Króa	BTXM	1.000,000		1.000,000			1.000,000			1.000,000	
f	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã từ QL26 xã Cư Mta đến QL19C xã Ea Riêng, huyện M'Drăk	Cư MTA, Cư Króa, Ea Riêng	BTXM	1.900,000		1.900,000	800,000		1.100,000			1.900,000	Năm 2021 bố trí đối ứng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giải ngân 2016-2020	Dự kiến kế hoạch 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm						Ghi chú
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
22	Bổ trí đối ứng nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025			9.000,000	-	9.000,000	-	-	3.000,000	3.000,000	3.000,000	9.000,000	Đối ứng ngân sách huyện
a	Hệ thống chiếu sáng nội thị trấn M'Drăk	Thị trấn M'Drăk	Hệ thống điện	1.000,000		1.000,000			1.000,000				
b	Nâng cấp đường GT từ đường Bùi Thị Xuân thị trấn M'Drăk đi xã Ea Riêng	Thị trấn M'Drăk	BTXM	1.000,000		1.000,000			1.000,000				
c	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	Xã Ea Riêng	Công trình dân dụng										
d	Nâng cấp đường giao thông từ QL26 đi thôn Ea Bra, xã Ea Trang	Xã Ea Trang	BTXM	1.000,000		1.000,000			1.000,000				
e	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Pli đi Cư Pao (đoạn nối tiếp)	Xã Ea Pli, xã Cư Pao	BTXM	1.000,000		1.000,000			1.000,000				
f	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San (tỉnh Km0+00 - Km1+720 và Km4+280 - Km6+130)	Xã Ea Trang, Cư San	BTXM	2.000,000		2.000,000			2.000,000				
g	đường giao thông nội thị từ TDP8 (mỹ TDP 1 mới) đi TDP 4 thị trấn M'Drăk	Thị trấn M'Drăk	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
h	Nâng cấp đường giao thông liên thôn từ buôn M'lu đi buôn M'U xã Ea Trang	Xã Ea Trang	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
i	Cải tạo nâng cấp đường Vành đai phía tây nam thị trấn M'Drăk	Thị trấn M'Drăk	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
1.2	Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới			2.350,000	-	2.350,000	-	2.350,000	-	-	-	2.350,000	
1	Hạ tầng kỹ thuật thôn 1 xã Ea Pli	Ea Pli	XD mới	2.350,000		2.350,000		2.350,000				2.350,000	
1.3	Nguồn tiếp kiệm chi thường xuyên ngân sách huyện			6.170,000	-	6.170,000	-	6.170,000	-	-	-	6.170,000	
1	Nâng cấp trụ sở làm việc phòng Văn hóa - Thông tin huyện	Thị trấn	Nâng cấp	500,000		500,000		500,000				500,000	
2	Xây mới tường rào, cổng trụ sở công an xã Ea Pli	Ea Pli	XD mới	450,000		450,000		450,000				450,000	
3	Xây mới tường rào, cổng trụ sở quân sự xã Ea Trang	Ea Trang	XD mới	450,000		450,000		450,000				450,000	
4	Nâng cấp đài nước, hệ thống nước tưới Quảng trường 22/3	Thị trấn	Nâng cấp	700,000		700,000		700,000				700,000	
5	Hệ thống thoát nước đoạn cải ngưng đường Tồn Thất Tung với đường Hùng Vương thị trấn M'Drăk	Thị trấn	XD mới	300,000		300,000						300,000	
6	Nâng cấp đường giao thông vào trường tiểu và khu dân cư TDP 9 Thị trấn M'Drăk	Thị trấn	Nâng cấp	1.100,000		1.100,000						1.100,000	
7	Xây dựng mới 1 bể kho chứa và khi cơ quan Quận sự huyện	Thị trấn	XD mới	1.000,000		1.000,000		1.000,000				1.000,000	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm					Ghi chú	
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Nâng cấp kênh thủy lợi buôn Tai xã Krông Jing	Krông Jing	Nâng cấp	1.000,000		1.000,000		1.000,000				1.000,000	
9	Nâng cấp đường vào ấp Ea Krông xa Krông Jing	Krông Jing	Nâng cấp	350,000		350,000		350,000				350,000	
10	Nâng cấp đường giao thông thôn 6 xã Ea H'Mlay	Ea H'Mlay	Nâng cấp	320,000		320,000		320,000				320,000	
B	DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH			135.452,758	17.185,600	103.737,858	25.354,279	31.383,579	14.000,000	14.000,000	19.000,000	103.737,858	
I	NGÂN SÁCH HUYỆN			135.452,758	17.185,600	103.737,858	25.354,279	31.383,579	14.000,000	14.000,000	19.000,000	103.737,858	
L.1	Nguồn sử dụng đất (trích 80% huyện hương)			126.932,758	17.185,600	95.217,858	25.354,279	22.863,579	14.000,000	14.000,000	19.000,000	95.217,858	
a	Công trình chuyển tiếp			36.676,822	17.185,600	15.219,886	15.219,886	-	-	-	-	15.219,886	
1	Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng xã Cư Sun, hạng mục: Nhà hiệu bộ, sân bê tông, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, mương thoát nước cho sân bê tông	Cư Sun	Nhà hiệu bộ, sân bê tông, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, mương thoát nước cho sân bê tông	3.000,000	740,000	322,534	322,534					322,534	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc xã Cư Pao, hạng mục: Nhà hiệu bộ, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, bếp nấu, sân bê tông, mương thoát nước cho sân bê tông	Cư Pao	Nhà hiệu bộ, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, bếp nấu, sân bê tông, mương thoát nước cho sân bê tông	3.000,000	740,000	276,530	276,530					276,530	
3	Xây dựng mới công trình đường vành đai huyện, hạng mục: Hệ thống đèn chiếu sáng	Thị trấn	XD mới	5.830,000	3.337,600	2.260,000	2.260,000	-				2.260,000	
4	Trung tâm thể dục thể thao huyện M'Drăk, hạng mục: Tường rào, cổng, đường nội bộ, hệ thống cấp nước, vỉa hè, điện chiếu sáng và nhà vệ sinh	Thị trấn	XD mới	6.603,000	3.900,000	2.677,000	2.677,000	-				2.677,000	
5	Đường vành đai huyện M'Drăk, hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng phần còn lại	Thị trấn - Cư M'Ta- Krông Jing	XD mới	4.300,000	2.130,000	2.099,000	2.099,000	-				2.099,000	
6	Trung tâm thể dục thể thao huyện M'Drăk, hạng mục: Lát sân sân thi đấu, thiết bị	Thị trấn	XD mới	2.500,000	1.240,000	1.260,000	1.260,000					1.260,000	
7	Đường giao thông TDP 5 thị trấn M'Drăk (Từ QL26 đến nhà ông Tuyền)	Thị trấn	Nâng cấp	572,134	200,000	372,134	372,134					372,134	
8	Đường giao thông TDP 5 thị trấn M'Drăk (Từ nhà ông Huỳnh Cho đến nhà ông Bảy)	Thị trấn	Nâng cấp	1.153,688	350,000	803,688	803,688					803,688	
9	Đường giao thông TDP 5 thị trấn M'Drăk (Từ nhà ông Liêu đến đường Vành Đai)	Thị trấn	Nâng cấp	850,000	420,000	430,000	430,000					430,000	
10	Đường giao thông TDP 12 thị trấn M'Drăk (Từ hội trường đến hai điểm kết nối với đường vào cơ quan Quân sự huyện)	Thị trấn	Nâng cấp	650,000	322,000	328,000	328,000					328,000	
11	Đường giao thông nội thôn 3 xã Cư Krôa (Từ hội trường đến nhà ông Thao)	Cư Krôa	Nâng cấp	800,000	396,000	404,000	404,000					404,000	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giải đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm						Chi chú
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
12	Trường Tiểu học bán trú Trấn Quốc Toàn xã Ea Trang, hạng mục: Đường vào cổng và hàng rào	Ea Trang	Nâng cấp	2.582,000	1.279,000	1.303,000	1.303,000	-				1.303,000	
13	Đường giao thông thôn 16 xã Ea Riêng (từ cổng chèo đến nhà ông Dương)	Ea Riêng	Nâng cấp	570,000	285,000	285,000	285,000					285,000	
14	Đường thôn 4 xã Krông Á (từ nhà ông Vi Văn Lăng đến nhà bà Bùi Thị Dạng)	Krông Á	Nâng cấp	900,000	400,000	500,000	500,000					500,000	
15	Đường thôn 3 xã Krông Á (từ nhà ông Lâm Văn Nghi đến nhà ông Nông Văn Lực)	Krông Á	Nâng cấp	1.000,000	450,000	550,000	550,000					550,000	
16	Trường Mẫu giáo Hòa Cục xã Cư Piao, hạng mục: Xây mới Nhà lớp học 02 phòng	Cư Piao	XD mới	1.170,000	494,000	664,000	664,000					664,000	
17	Trường Mẫu giáo Hòa Ban xã Cư San, hạng mục: Xây mới Nhà lớp học 02 phòng	Cư San	XD mới	1.196,000	502,000	685,000	685,000					685,000	
b	Dự án mới			90.255,936	-	79.997,972	10.134,393	22.863,579	14.000,000	14.000,000	19.000,000	79.997,972	
1	Đường giao thông thôn 3 đi chợ và đá bàn, xã Ea Pli, huyện M'Drak	Ea Pli	BTXM	5.000,000		5.000,000	3.991,000	1.009,000				5.000,000	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2021: 2.241tr đồng, bổ sung trong năm 2021 1.750tr đồng
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 19C đi vào hồ chứa nước Ea M'Doal	Ea M'Doal	BTXM	5.704,080		5.704,080	4.543,393	1.160,687				5.704,080	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2021 là 2.539,114tr đồng, bổ sung trong năm 2021 là 2.004,279tr đồng
3	Công trình: Trường PTDT bán trú THCS Võ Nguyên Giáp xã Cư Kơra, hạng mục: Nhà vệ sinh, nhà tắm học sinh	Cư Kơra	BTXM	800,000		800,000	800,000					800,000	Bổ sung danh mục năm 2021 từ nguồn tăng thu sử dụng đất năm 2020
4	Đường giao thông nội thị trấn M'Drak (Đường Quang Trung nối dài đến đường Lê Lợi)	Thị trấn	BTXM	1.210,000		1.210,000		1.210,000				1.210,000	Danh mục công trình bổ sung
5	Đường giao thông Thôn 10 xã Ea Riêng đi Thôn 4 xã Cư Kơra, huyện M'Drak	Ea Riêng - Cư Kơra	BTXM	5.000,000		5.000,000		3.971,000	1.029,000			5.000,000	
6	Đường giao thông liên xã từ thôn 19 xã Ea Riêng đi thôn 3 xã Ea H'Mlây	Ea Riêng - Ea H'Mlây	BTXM	4.999,051		4.999,051		3.971,000	1.028,051			4.999,051	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Nội dung thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm					Ghi chú	
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Đường giao thông nội thôn 4 xã Ea Lai	Ea Lai	BTXM	5.746,881		5.746,881		5.194,397.414	552,484			5.746,881	Năm 2022 bổ sung kế hoạch vốn 585,397.414 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021
8	Đường giao thông liên xã đoạn từ Quốc Lộ 19C (thôn 8), xã Ea Riềng đi thôn 1, xã Ea H'Miây	Ea Riềng - Ea H'Miây	BTXM	4.994,000		4.994,000		4.069,313	924,687			4.994,000	
9	Nâng cấp sân và bồn hoa khuôn viên UBND huyện	Thị trấn	Nâng cấp	2.184,218		2.184,218		1.018,182	1.166,036			2.184,218	Năm 2022 bổ sung vốn từ nguồn tiết kiệm chi (866,275), nguồn kết dư tiền sử dụng đất năm 2021 (151,907)
20	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện M'Drăk	Thị trấn	Nâng cấp sân bóng, bồn hoa; Nâng cấp sửa chữa nhà hội trường; Nâng cấp sửa chữa nhà làm việc; Nâng cấp sửa chữa nhà vệ sinh	2.000,000		2.000,000		760,000	1.240,000			2.000,000	Năm 2022 bổ sung vốn từ nguồn tiết kiệm chi (600), nguồn kết dư tiền sử dụng đất năm 2021(160)
10	Đường giao thông nối từ địa bàn thôn 9 đi giáp đường liên xã Ea Pli, Cư Prao	Ea Pli	BTXM	4.994,000		4.994,000			2.643,274	2.350,726		4.994,000	
11	Đường giao thông từ điểm trường buôn Bık đến buôn Glăn xã Krông Jing	Krông Jing	BTXM	4.000,000		4.000,000			1.716,468	2.283,532		4.000,000	
12	Đường giao thông thôn 3 xã Ea Lai	Ea Lai	BTXM	3.758,706		3.758,706				2.323,274	1.435,432	3.758,706	
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn 3 đi thôn 4 xã Ea Lai, huyện M'Drăk	Ea Lai	BTXM	5.500,000		5.500,000				2.661,000	2.839,000	5.500,000	
14	Đường giao thông từ nhà Ông Tươi đi đơn vị đặc công 198 xã Cư Krôa	Cư Krôa	BTXM	5.000,000		5.000,000				2.381,468	2.618,532	5.000,000	
15	Đường giao thông nội thôn 1, xã Krông Á (Từ nhà ba Liên đến nhà ông Nguyễn Văn Bón)	Krông Á	BTXM	4.865,000		1.954,274					1.954,274	1.954,274	
16	Đường giao thông thôn 4 đi thôn 6, thôn 5, xã Ea Pli, huyện M'Mrăk	Ea Pli	BTXM	5.500,000		1.645,000					1.645,000	1.645,000	
17	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi Ea Riềng (Từ thôn 1 xã Ea Lai đi xã Ea Riềng)	Ea Lai - Ea Riềng	BTXM	5.000,000		1.507,762					1.507,762	1.507,762	
18	Bổ trí đối ứng nguồn vốn Chương trình MTQG XD NTM theo cơ chế thông thường			5.000,000	-	5.000,000	800,000	500,000	3.700,000	-	-	5.000,000	Đối ứng ngân sách huyện

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giải đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm						Ghi chú
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
a	Đường GT liên xã từ nhà ông Tường thôn 1 xã Ea Lai đi xã Ea Riêng	Ea Lai, Ea Riêng	BTXM	200,000		200,000			200,000			200,000	
b	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã Ea Pli đi Cư Pao (D22), huyện M'Drăk	Cư Pao	BTXM	1.000,000		1.000,000			1.000,000			1.000,000	
c	Đường GT liên xã từ QL19C (thôn 8) xã Ea Riêng đi thôn 1 xã Ea H'Mây	Ea Riêng	BTXM	300,000		300,000			300,000			300,000	
d	Đường GT trục xã Cư Pao (đoạn nối dài qua thôn 7, thôn 8, thôn 9, xã Cư Pao)	Cư Pao	BTXM	600,000		600,000			600,000			600,000	
e	Nâng cấp đường GT liên xã từ QL26 xã Cư M'ra (đoạn nối tiếp) đi thôn 1 xã Cư K'roa, huyện M'Drăk (đường 21 Bis)	Cư K'roa	BTXM	1.000,000		1.000,000		150,000	850,000			1.000,000	Năm 2022 bố trí đổi ứng từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2021
f	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã từ QL26 xã Cư M'ra đến QL19C xã Ea Riêng, huyện M'Drăk	Cư M'Ra, Cư K'roa, Ea Riêng	BTXM	1.900,000		1.900,000	800,000	350,000	750,000			1.900,000	Năm 2021 bố trí đổi ứng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020; Năm 2022 bố trí đổi ứng từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2021
19	Bố trí đổi ứng nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giải đoạn 2021-2025			9.000,000	-	9.000,000	-	-	-	2.000,000	7.000,000	9.000,000	Đổi ứng ngân sách huyện
a	Hệ thống chiếu sáng nội thị trấn M'Drăk	Thị trấn M'Drăk	Hệ thống điện	1.000,000		1.000,000				1.000,000			
b	Nâng cấp đường GT từ đường Bùi Thị Xuân thị trấn M'Drăk đi xã Ea Riêng	Thị trấn M'Drăk	BTXM	1.000,000		1.000,000				1.000,000			
c	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	Xã Ea Riêng	Công trình dân dụng										
d	Nâng cấp đường giao thông từ QL26 đi thôn Ea B'ra, xã Ea Trang	Xã Ea Trang	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
e	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Pli đi Cư Pao (đoạn nối tiếp)	Xã Ea Pli, xã Cư Pao	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
f	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San (tỉ trình Km0+00 - Km1+720 và Km4+280 - Km6+130)	Xã Ea Trang, Cư San	BTXM	2.000,000		2.000,000					2.000,000		
g	đường giao thông nội thị từ TDP8 (nay TDP 1 mới) đi TDP 4 thị trấn M'Drăk	Thị trấn M'Drăk	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
h	Nâng cấp đường giao thông liên thôn từ buôn M'juai đi buôn M'vô xã Ea Trang	Xã Ea Trang	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		
i	Cải tạo nâng cấp đường vành đai phía tây nam thị trấn M'Drăk	Thị trấn M'Drăk	BTXM	1.000,000		1.000,000					1.000,000		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn phân theo từng năm					Ghi chú
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2	Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới			2.350,000	-	2.350,000	-	2.350,000	-	-	-	2.350,000
1	Hạ tầng kỹ thuật thôn 1 xã Ea Pli	Ea Pli	XD mới	2.350,000	-	2.350,000	-	2.350,000	-	-	-	2.350,000
1.3	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách huyện năm 2022			6.170,000	-	6.170,000	-	6.170,000	-	-	-	6.170,000
1	Nâng cấp trụ sở làm việc phòng Văn hóa - Thông tin huyện	Thị trấn	Nâng cấp	500,000	-	500,000	-	500,000	-	-	-	500,000
2	Xây mới tường rào, công trụ sở công an xã Ea Pli	Ea Pli	XD mới	450,000	-	450,000	-	450,000	-	-	-	450,000
3	Xây mới tường rào, công trụ sở quán sự xã Ea Trang	Ea Trang	XD mới	450,000	-	450,000	-	450,000	-	-	-	450,000
4	Nâng cấp dải nước, hệ thống nước tưới Quảng trường 22/3	Thị trấn	Nâng cấp	700,000	-	700,000	-	700,000	-	-	-	700,000
5	Hệ thống thoát nước đoạn cắt ngang đường Tôn Thất Tùng với đường Hùng Vương thị trấn M'Drắk	Thị trấn	XD mới	300,000	-	300,000	-	300,000	-	-	-	300,000
6	Nâng cấp đường giao thông vào trường bán và khu dân cư TDP 9 Thị trấn M'Drắk	Thị trấn	Nâng cấp	1.100,000	-	1.100,000	-	1.100,000	-	-	-	1.100,000
7	Xây dựng mới ụ bể kho chứa vũ khí cơ quan Quân sự huyện	Thị trấn	XD mới	1.000,000	-	1.000,000	-	1.000,000	-	-	-	1.000,000
8	Nâng cấp kênh thủy lợi buôn Tai xã Krông Jing	Krông Jing	Nâng cấp	1.000,000	-	1.000,000	-	1.000,000	-	-	-	1.000,000
9	Nâng cấp đường vào đập Ea Ktông xã Krông Jing	Krông Jing	Nâng cấp	350,000	-	350,000	-	350,000	-	-	-	350,000
10	Nâng cấp đường giao thông thôn 6 xã Ea H'Mlây	Ea H'Mlây	Nâng cấp	320,000	-	320,0	-	320,000	-	-	-	320,000

TH. T. DAK

